

C.TY CP SADICO CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/SADICO.2019
V/v công bố thông tin

Cần Thơ, ngày 26...tháng 09...năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội

1. Tên Công ty : Công Ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ
2. Mã chứng khoán : SDG.
3. Địa chỉ trụ sở chính : 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ.
4. Điện thoại : 0292 3884354 Fax : 0292 3821141
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Mai Công Toàn
6. Nội dung của thông tin công bố :

- Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2019.
- Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2019.
- Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2019.
- Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2019 ngày 25/09/2019.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố www.sadico.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website Công Ty
- Lưu: HC ,PTCKTKK



Số: 01 /BB-ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Vào hồi 09h00 ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở chính Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ, địa chỉ tại đường 366E Đường CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP Cần Thơ, Mã số doanh nghiệp 1800155452, đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là “ĐHĐCĐ” hoặc “Đại hội”) của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”)

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Các cổ đông tham dự Đại hội;
- Hội đồng quản trị (“HĐQT”), gồm các thành viên sau:
 - Ông Mai Công Toàn - Chủ tịch HĐQT
 - Ông Nguyễn Phú Thọ - Thành viên HĐQT
 - Ông Đỗ Hữu Hường - Thành viên HĐQT
 - Ông Lê Ngọc Anh - Thành viên HĐQT
- Ban Kiểm soát, gồm các thành viên sau:
 - Ông Đoàn Văn Cường - Trưởng Ban Kiểm soát
 - Ông Nguyễn Như Tiến - Thành viên Ban Kiểm soát
 - Ông Trần Hữu Định - Thành viên Ban Kiểm soát

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thủ tục tiến hành khai mạc Đại hội

1. Ông Cao Hoài Nam – thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.

2. Bà Dương Thị Quỳnh Giao – thay mặt Ban tổ chức Đại hội công bố tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội với kết quả như sau:

- Tính đến 09 giờ 00 phút ngày 25/9/2019 có tất cả 11 cổ đông, sở hữu và đại diện cho: 3.832.690 cổ phần, chiếm tỉ lệ 56,3631% tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ tham dự Đại hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ ngày 13/6/2018 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2019 của Công ty đã hợp pháp, hợp lệ và được phép tiến hành.

3. Thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu

a. Thông qua Ban Chủ tọa, gồm các thành viên:

- Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội
- Ông Đoàn Văn Cường

Đại hội biểu quyết thông qua với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Thay mặt Ban Chủ tọa, ông Mai Công Toàn giới thiệu Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

b. Thông qua Ban Thư ký, gồm:

- Ông Phạm Mạnh Hùng – Trưởng ban

- Bà Trần Hồng Cường

Đại hội biểu quyết thông qua với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

c. Thông qua Ban Kiểm phiếu, gồm:

1. Bà Dương Thị Quỳnh Giao – Trưởng ban

2. Bà Trần Hồng Cường

3. Ông Cao Hoài Nam

4. Bà Trần Nguyệt Thùy

5. Bà Lê Ngọc Huyền

Và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua ông Nguyễn Như Tiên – thành viên Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Thông qua Chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

Ông Cao Hoài Nam đọc Chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

Đại hội thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành

Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch HĐQT báo cáo với Đại hội:

Ngày 20/09/2019, HĐQT nhận được Thư đề xuất về bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 của cổ đông Phạm Thị Thúy, cổ đông sở hữu 986.700 cổ phần, chiếm 14,51% tổng số cổ phần phổ thông đề nghị bổ sung một số nội dung vào Chương trình họp.

Ông Đoàn Văn Cường báo cáo với Đại hội các nội dung theo Thư đề xuất của cổ đông Phạm Thị Thúy:

4.1. Sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản của Điều lệ của Công ty được ban hành ngày 13/06/2018 với các nội dung cụ thể sau:

- Sửa đổi Điểm d khoản 1 Điều 14 thành: “Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát”.

- Bãi bỏ Điểm g khoản 2 Điều 14 (Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị)

- Sửa đổi Khoản 1 Điều 28 thành “Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.”

4.2. Phát hành cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành Công ty và người lao động:

- Mục đích: Tạo sự gắn bó và gắn kết lợi ích người lao động với lợi ích của Công ty, tạo động lực cho người lao động trong việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối tượng phát hành: Ban Điều hành Công ty và người lao động. Danh sách Ban Điều hành Công ty, người lao động và tiêu chuẩn cụ thể giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn.

- Số lượng phát hành: Tương đương với 5% Vốn điều lệ hiện hành của Công ty tương ứng 340.000 cổ phiếu.

- Phương án, kế hoạch, thời điểm phát hành, mệnh giá, điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng cụ thể sẽ ủy quyền, giao cho Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo được lợi ích của Công ty và người lao động.

4.3. Hủy bỏ từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019

Qua xem xét Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019, tôi nhận thấy nội dung từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết là không phù hợp với thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty. Do vậy, tôi đề xuất Đại hội xem xét hủy bỏ từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019, đề nghị HĐQT chủ động thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng thẩm quyền tại Điều lệ Công ty.

Nội dung các điều khoản đề xuất hủy bỏ:

- Điều 4. Thông qua bổ nhiệm Ông Nguyễn Phú Thọ - chức danh Tổng giám đốc, là người đại diện pháp luật của Công Ty Cổ Phần Sadico Cần Thơ. Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động.

- Điều 5. Thông qua danh sách cử người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ tham gia ứng cử vào HĐQT và đề cử vào BKS Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô như sau:

- Điều 6. Thông qua đề cử Ông Nguyễn Phú Thọ tiếp tục đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ tham gia vào HĐQT tại một số công ty mà Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ góp vốn.

- Điều 7. Thông qua bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký HĐQT. Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động

Xét thấy đề xuất đáp ứng đủ các điều kiện theo khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty cho nên phải bổ sung nội dung đề xuất vào Chương trình nghị sự ngày hôm nay.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội bao gồm cả phần đề nghị bổ sung Chương trình Đại hội của cổ đông Phạm Thị Thúy với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Chủ tọa Ông Mai Công Toàn giới thiệu Ông Cao Hoài Nam đọc Đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Phú Thọ và Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 10/09/2019 của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Phú Thọ và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Ông Cao Hoài Nam đọc Đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Phú Thọ và Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 10/09/2019 của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Phú Thọ và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Đại hội biểu quyết thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Phú Thọ với kết quả biểu quyết:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

* Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

Ông Mai Công Toàn chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội tiếp tục việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT. Ông Mai Công Toàn thông báo với Đại hội về việc đã nhận được đơn đề cử ứng viên cho việc bầu Thành viên HĐQT của cổ đông Phạm Thị Thúy và giới thiệu Ông Đoàn Văn Cường trình bày trước Đại hội thư đề cử của cổ đông Phạm Thị Thúy và các tài liệu liên quan.

Ông Mai Công Toàn đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT bao gồm:

- Ông Phạm Ngọc Khanh

Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách ứng cử viên tham gia bầu cử thành viên HĐQT với 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Chủ tọa giới thiệu bà Dương Thị Quỳnh Giao lên phát phiếu bầu cử và hướng dẫn bầu cử.

Bà Dương Thị Quỳnh Giao thực hiện phát phiếu bầu và lên hướng dẫn Đại hội ghi Phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

Ban Kiểm phiếu thực hiện phát phiếu, thu và kiểm phiếu.

Chủ tọa mời Đại hội nghỉ giải lao để Ban kiểm phiếu làm việc vào hồi 09h55'.

Đại hội tiếp tục làm việc vào hồi 10h02'

Chủ tọa giới thiệu Bà Dương Thị Quỳnh Giao lên báo cáo Đại hội về kết quả bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT.

Bà Dương Thị Quỳnh Giao công bố kết quả kiểm phiếu Phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 11 tờ phiếu bầu

- Tổng số phiếu thu về: 11 tờ phiếu bầu

Trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: 11 tờ phiếu bầu

- Số phiếu không hợp lệ: 0 tờ phiếu bầu

- Kết quả bầu cử:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Phạm Ngọc Khanh	3.832.690

Ông Phạm Ngọc Khanh đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty với 3.832.690 số phiếu tương ứng với 100% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Ông Phạm Ngọc Khanh ra mắt và phát biểu tại Đại hội

6. Chủ tọa giới thiệu Ông Đoàn Văn Cường trình Đại hội Tờ trình số 38/TTr-HĐQT ngày 10/9/2019 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch HĐQT báo cáo với Đại hội về việc nhận được đề xuất của cổ đông Phạm Thị Thúy và giới thiệu Ông Đoàn Văn Cường trình bày trước Đại hội Phiếu đề xuất của cổ đông Phạm Thị Thúy đã được Đại hội nhất trí thông qua bổ sung vào nội dung Chương trình Đại hội, Đại hội sẽ xem xét sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản sau của Điều lệ Công ty:

- Điểm d khoản 1 Điều 14: Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành

Được sửa đổi thành: Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Điểm g khoản 2 Điều 14 về Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: “Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.”

Đề xuất bãi bỏ quy định này.

- Khoản 1 Điều 28: “Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc hai Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.”

Được sửa đổi thành “Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.”

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoàn thiện, phát hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung. Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày ban hành Nghị quyết này và thay thế Điều lệ ngày 13/06/2018 của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ.

Đại hội biểu quyết thông qua sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản của Điều lệ Công ty với kết quả biểu quyết:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100 % phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

8. Chủ tọa giới thiệu Ông Phạm Mạnh Hùng thư ký lên trình bày trước Đại hội dự thảo Nghị quyết về miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Phú Thọ theo Tờ trình của HĐQT tại Đại hội, bầu bổ sung ông Phạm Ngọc Khanh làm thành viên HĐQT và sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản của Điều lệ Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết số 16/NQ-DHĐCĐ ngày 25/9/2019 về miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Phú Thọ theo Tờ trình của HĐQT tại Đại hội, bầu bổ sung ông Phạm Ngọc Khanh làm thành viên HĐQT và sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản của Điều lệ Công ty, với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

9. Chủ tọa giới thiệu Ông Đoàn Văn Cường trình bày trước Đại hội Tờ trình số 39/TT-HĐQT ngày 10/9/2019 về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và dự thảo Quy chế.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số phiếu có quyền
-----------	-----------------	------------------------------

		biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

10. Chủ tọa trình bày với Đại hội nội dung các Điều từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 không đúng thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà thuộc thẩm quyền HĐQT do đó đề nghị hủy bỏ.

Đại hội đã biểu quyết thông qua nội dung hủy bỏ các Điều từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ do không đúng với thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty theo Thư đề xuất của cổ đông Phạm Thị Thúy, với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số cổ phần phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

11. Đại hội thông qua Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2019 về Quy chế nội bộ về quản trị và hủy bỏ các Điều từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ, với kết quả biểu quyết:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số cổ phần phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

12. Ông Mai Công Toàn – Chủ tịch HĐQT trình với Đại hội về nội dung Phát hành cổ phiếu thưởng (ESOP) cho Ban Điều hành Công ty và người lao động:

- Mục đích: Tạo sự gắn bó và gắn kết lợi ích người lao động với lợi ích của Công ty, tạo động lực cho người lao động trong việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối tượng phát hành: Ban Điều hành Công ty Công ty và người lao động. Danh sách Ban Điều hành Công ty, người lao động và tiêu chuẩn cụ thể giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn.

- Số lượng cổ phiếu phát hành: Tương đương với 5% Vốn điều lệ hiện hành của Công ty (340.000 cổ phiếu).

- Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phần: 10.000/cổ phần

- Vốn điều lệ Công ty dự kiến sẽ tăng lên là: 71.399.970.000 VNĐ (Bảy mươi một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu thưởng, cụ thể:

- Danh sách Ban Điều hành Công ty, người lao động và tiêu chuẩn cụ thể giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn.

- Hội đồng quản trị quyết định phương án, kế hoạch, thời điểm phát hành, mệnh giá, điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng

- HĐQT xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ liên quan khác theo yêu cầu của cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.

- Thông qua thời điểm phát hành cổ phiếu thưởng, quy chế ESOP, tiêu chuẩn, danh sách và số lượng cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành, người lao động được thưởng.

- Thực hiện xử lý cổ phiếu người lao động từ bỏ quyền được thưởng và/hoặc tại thời điểm phát hành hoặc sau phát hành, người lao động không đạt đủ tiêu chuẩn được thưởng theo quy chế ESOP.

- Thực hiện việc phong tỏa, giải tỏa số lượng cổ phiếu thưởng theo quy chế ESOP của đợt phát hành (nếu có);

- Lập hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, và đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau đã được Đại hội thông qua.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu

- Sửa đổi các điều liên quan đến Vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Phát hành cổ phiếu thưởng (ESOP) cho Ban Điều hành Công ty, người lao động và ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc như trên với kết quả biểu quyết:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số cổ phần phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

13. Đại hội thông qua Nghị quyết số 18/NQ-ĐHCĐ ngày 25/9/2019 về Phát hành cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành Công ty và người lao động, với kết quả biểu quyết:

Tán thành	3.832.690 phiếu	Chiếm 100% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Không tán thành	0 phiếu	Chiếm 0% số cổ phần phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Không có ý kiến	0 phiếu	Chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
-----------------	---------	---

III. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

- Ông Bình cổ đông nhỏ đăng ký và phát biểu ý kiến về việc định hướng phát triển của Công ty trong tương lai.

- Ông Mai Công Toàn – Chủ tọa trả lời: Sau khi ông Nguyễn Phú Thọ xin nghỉ hưu, HĐQT còn 04 người cũ và Ban điều hành Công ty tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong thời gian tới, HĐQT và Ban Điều hành Công ty sẽ nỗ lực mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động sản xuất của Công ty nhằm đạt kết quả kinh doanh tốt hơn.

Nguyện vọng nghỉ hưu của Ông Thọ là chính đáng, do vậy Đại hội biểu quyết xem xét miễn nhiệm ông Thọ thể theo nguyện vọng cá nhân. Công ty trân trọng những đóng góp của ông Thọ trong thời gian đã điều hành và mời ông Thọ cố vấn cho Công ty trong thời gian sắp tới đồng thời đào tạo người kế tục.

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Phạm Mạnh Hùng – Trưởng ban Thư ký đọc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 của Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản với 100% tổng số phiếu biểu quyết tham gia dự họp tán thành.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 Công ty kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

T.M BAN THƯ KÝ

Trưởng ban



Phạm Mạnh Hùng

CHỦ TỌA



Mai Công Toàn



Số: 16 /NQ-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ;
- Căn cứ Biên bản của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 2019,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Phú Thọ theo Tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua bầu bổ sung ông Phạm Ngọc Khanh làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3: Thông qua sửa đổi, bãi bỏ một số điều khoản của Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Khoản 4 Điều 2 được sửa đổi thành: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

- Điểm d khoản 1 Điều 14 được sửa đổi thành: Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Bãi bỏ Điểm g khoản 2 Điều 14 về Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: “Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.”

- Khoản 1 Điều 28 được sửa đổi thành “Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.”

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoàn thiện, phát hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung. Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thay thế Điều lệ ngày 13/06/2018 của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ.

Điều 4. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

- Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ ngày 25/09/2019.

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ 10h15' ngày 25/09/2019.

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Tổng giám đốc;
- Cổ đông;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ;
- Căn cứ Biên bản của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 ngày 25/09/2019,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội.

Điều 2. Thông qua hủy bỏ các Điều từ Điều 4 đến Điều 7 tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ.

Điều 3. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

- Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ ngày 25/09/2019.

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ 10h36' ngày 25/09/2019.

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Tổng giám đốc;
- Cổ đông;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.



Số: 18 /NQ-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ;
- Căn cứ Biên bản của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 ngày 25/09/2019,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành Công ty và người lao động.

- Đối tượng phát hành: Ban Điều hành Công ty và người lao động. Danh sách Ban Điều hành Công ty, người lao động và tiêu chuẩn cụ thể giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn.

- Số lượng cổ phiếu phát hành: Tương đương với 5% Vốn điều lệ hiện hành của Công ty (340.000 cổ phiếu).

- Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phần: 10.000/cổ phần

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu thưởng, cụ thể:

- Danh sách Ban Điều hành Công ty và người lao động và tiêu chuẩn cụ thể giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn.

- Hội đồng quản trị quyết định phương án, kế hoạch, thời điểm phát hành, mệnh giá, điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng.

- Hội đồng quản trị xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ liên quan khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.

- Thông qua thời điểm phát hành cổ phiếu thưởng, quy chế ESOP, tiêu chuẩn, danh sách và số lượng cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành, người lao động được thưởng.

- Thực hiện xử lý cổ phiếu người lao động từ bỏ quyền được thưởng và/hoặc tại thời điểm phát hành hoặc sau phát hành, người lao động không đạt đủ tiêu chuẩn được thưởng theo quy chế ESOP.

- Thực hiện việc phong tỏa, giải tỏa số lượng cổ phiếu thưởng theo quy chế ESOP của đợt phát hành (nếu có).

- Lập hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết bổ sung tại Sở Giao



dịch chứng khoán Hà Nội, và đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau đã được Đại hội thông qua.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

- Sửa đổi các điều liên quan đến Vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan.

Điều 2. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

- Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2019 Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ ngày 25/09/2019.

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ 11h10' ngày 25/09/2019.

- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sadico Cần Thơ có trách nhiệm tổ chức, chi đạo và triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Tổng giám đốc;
- Cổ đông;
- Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Mai Công Toàn



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 09 năm 2019

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; hiệu lực thi hành 01/07/2015;

- Bản Điều lệ này là bản Điều lệ được ban hành lần thứ tư (04) do chỉnh sửa lần thứ ba của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức chính thức vào ngày 14 tháng 04 năm 2018 ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh việc sửa đổi điều lệ.

- Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 13/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ về việc thống nhất sửa đổi Điều lệ.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1/ Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a/ "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b/ "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c/ "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d/ "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e/ "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f/ "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6, Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g/ "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

h/ "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty Cổ phần.

i/ "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ đông bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty Cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

2/ Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3/ Các tiêu đề (Chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4/ Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1/ Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ.
- Tên tiếng Anh: SADICO CAN THO Joint Stock Corporation.
- Tên giao dịch: SADICO CAN THO.
- Logo Công ty như sau:



2/ Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật.

Có điều lệ tổ chức và hoạt động.

Chịu trách nhiệm dân sự hữu hạn trong phạm vi số vốn góp của các cổ đông.

Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động.

Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3/ Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 366E đường Cánh Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 0710 3884919, 0710 3821885;
- Fax: 0710 3821141
- E-mail: Sadicocantho@hcm.vnn.vn
- Website: www.sadico.com.vn

4/ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5/ Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6/ Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2, Điều 54 và Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1/ Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất xi măng, vỏ bao đựng xi măng và các sản phẩm từ xi măng.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và uỷ thác.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ, đầu tư tài chính.
- Kinh doanh các ngành nghề khác ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2/ Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh vỏ bao đựng xi măng và các lĩnh vực khác nhằm phục vụ lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phúc lợi cho xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1/ Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2/ Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1/ Vốn điều lệ của công ty là 67.999.970.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.799.997 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng / 1 cổ phần.

2/ Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3/ Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 11 và Điều 12.

4/ Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5/ Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (*tối thiểu hai mươi ngày làm việc*) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6/ Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7/ Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1/ Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2/ Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3/ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4/ Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5/ Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6/ Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7/ Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1/ Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2/ Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1/ Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2/ Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3/ Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí

liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4/ Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5/ Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát.
- Tổng giám đốc điều hành;

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

- Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1/ Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a/ Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b/ Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c/ Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d/ Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp 2014;

đ/ Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e/ Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f/ Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a/ Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b/ Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c/ Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d/ Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ/ Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a/ Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b/ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c/ Trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4/ Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a/ Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b/ Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1/ Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2/ Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3/ Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4/ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1/ Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức

mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị có thể gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2/ Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3/ Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a/ Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b/ Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c/ Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

đ/ Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e/ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4/ Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại tiết c, Khoản 3, Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại tiết d, tiết e, Khoản 3, Điều 13.

b/ Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại tiết a, Khoản 4, Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c/ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại tiết b, Khoản 4, Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại tiết d, Khoản 3, Điều 13, có quyền

thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1/ Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a/ Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b/ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c/ Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d/ Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm;
 - đ/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e/ Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f/ Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g/ Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h/ Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i/ Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j/ Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 2/ Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a/ Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b/ Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c/ Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d/ Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ/ Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
 - e/ Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f/ Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

3/ Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a/ Các hợp đồng quy định tại điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b/ Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4/ Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1/ Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2/ Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a/ Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b/ Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c/ Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3/ Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4/ Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a/ Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b/ Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c/ Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1/ Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2/ Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3/ Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4/ Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2/ Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a/ Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b/ Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c/ Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3/ Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.

Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a/ Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b/ Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c/ Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

d/ Các trường hợp khác.

6/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7/ Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi phút (30 phút) kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút (30 phút) kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết; Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết hoặc thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu (thẻ) biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội thì sẽ tiến hành bằng cách: xác định số phiếu (thẻ) tán thành trước, sau đó xác định số phiếu (thẻ) không tán thành, cuối cùng xác định số phiếu (thẻ) không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu (thẻ) sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá năm người.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a/ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b/ Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c/ Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d/ Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3/ Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

5. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết; nếu biểu quyết bằng phiếu thì tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết tán thành, sau đó xác định số phiếu biểu quyết không tán thành cuối cùng xác định số phiếu biểu quyết không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a/ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b/ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a/ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b/ Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c/ Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10/ Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

11/ Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a/ Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b/ Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c/ Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12/ Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a/ Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b/ Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13/ Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a/ Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b/ Định hướng phát triển công ty;
- c/ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e/ Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g/ Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1/ Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a/ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b/ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c/ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d/ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ/ Tổ chức lại, giải thể công ty;

2/ Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.3 Điều này.

3/ Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4/ Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5/ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1/ Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2/ Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp

3/ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b/ Mục đích lấy ý kiến;

c/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d/ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ/ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e/ Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g/ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4/ Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a/ Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b/ Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5/ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b/ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c/ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d/ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ/ Các vấn đề đã được thông qua;

e/ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6/ Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8/ Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b/ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c/ Chương trình và nội dung cuộc họp;

d/ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ/ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e/ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f/ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g/ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

h/ Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản Đại hội có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 25. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1/ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có không quá năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3/ Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4/ Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a/ Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b/ Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c/ Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d/ Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ/ Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5/ Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

6/ Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7/ Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a/ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b/ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c/ Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d/ Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ/ Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;

e/ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g/ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h/ Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;

i/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k/ Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l/ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m/ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n/ Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o/ Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p/ Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2/ Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3/ Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

4/ Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

5/ Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

6/ Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7/ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.

2/ Công ty Cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3/ Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a/ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b/ Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c/ Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d/ Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ/ Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4/ Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5/ Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a/ Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b/ Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c/ Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d/ Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ/ Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

6/ Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7/ Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1/ Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2/ Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác bất kỳ trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3/ Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a/ Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

b/ Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c/ Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì

Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6/ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7/ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8/ Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9/ Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a/ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b/ Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c/ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d/ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 30. Biên bản họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b/ Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c/ Thời gian, địa điểm họp;
- d/ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ/ Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e/ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g/ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h/ Các vấn đề đã được thông qua;
- i/ Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý là Trưởng các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a/ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b/ Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c/ Có đơn từ chức;

d/ Trường hợp khác quy định pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Cán bộ quản lý

1/ Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2/ Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những cán bộ quản lý và người lao động khác sẽ do Tổng Giám

đốc điều hành quyết định phù hợp với quy chế lương hoặc các quy chế khác có liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc điều hành

1/ Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2/ Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3/ Quyền hạn và nghĩa vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a/ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b/ Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c/ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d/ Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

d/ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e/ Quyết định đơn giá khoán sản phẩm, tiền lương và quyền lợi khác đối với Cán bộ quản lý là Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, các vị trí quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g/ Tuyển dụng lao động;

h/ Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i/ Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a/ Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b/ Làm biên bản các cuộc họp;
- c/ Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d/ Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1/ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2/ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử

dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3/ Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4/ Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a/ Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b/ Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1/ Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn

thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2/ Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát

1/ Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a/ Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b/ Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c/ Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một

thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3/ Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4/ Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a/ Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b/ Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c/ Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d/ Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e/ Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1/ Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a/ Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

b/ Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c/ Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d/ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e/ Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f/ Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g/ Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h/ Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2/ Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3/ Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4/ Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá năm mươi triệu đồng Việt Nam mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3/ Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy

từ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4/ Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí; Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập qui chế để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức

1/ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2/ Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3/ Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4/ Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5/ Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức

hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6/ Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7/ Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1/ Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2/ Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3/ Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 48. Hệ thống kế toán

1/ Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2/ Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3/ Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1/ Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2/ Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3/ Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

4/ Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và

một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5/ Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1/ Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2/ Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3/ Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4/ Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5/ Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1/ Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2/ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1/ Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a/ Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b/ Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c/ Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d/ Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2/ Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1/ Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2/ Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3/ Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1/ Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2/ Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1/ Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2/ Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3/ Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a/ Các chi phí thanh lý;
- b/ Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c/ Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d/ Các khoản vay (nếu có);
- e/ Các khoản nợ khác của Công ty;

f/ Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1/ Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a/ Cổ đông với Công ty.

b/ Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý .

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2/ Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3/ Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2- Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

Điều 59. Thể thức sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty

Mọi sửa đổi, bổ sung điều lệ không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và sau khi đã đăng ký hoặc thông báo thay đổi điều lệ tại cơ quan đăng ký kinh doanh, lúc đó mới hợp lệ.

Điều 60. Điều khoản cuối cùng

1/ Bản điều lệ này gồm 20 chương 61 điều, được sửa đổi nhất trí thông qua ngày 13 tháng 06 năm 2018 tại Thành Phố Cần Thơ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2/ Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a/ 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b/ 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c/ 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3/ Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4/ Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 61. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mai Công Toàn

MỤC LỤC

Điều lệ Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ ngày 13/06/2018

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 9. Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

- Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 15. Các đại diện được ủy quyền
- Điều 16. Thay đổi các quyền
- Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
- Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua
- Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 25. Hiệu lực các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
- Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Điều 30. Biên bản họp của Hội đồng quản trị
- Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

- Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
- Điều 34. Cán bộ quản lý
- Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc điều hành
- Điều 36. Thư ký Công ty

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức

Điều 45. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài khóa

Điều 48. Hệ thống kế toán

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII
CON DẤU

Điều 52. Con dấu

CHƯƠNG XVIII
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ
Đông

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

CHƯƠNG XIX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty.

Điều 59. Thể thức sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty

Điều 60. Điều khoản cuối cùng .

Điều 61. Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty



Cần Thơ, ngày 25 tháng 09 năm 2019

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

(Ban hành theo Quyết định số 40/2019/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 09 năm 2019)

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ ngày 25/09/2019.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1/ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý trong Công ty.

2/ Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ.

3/ Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông; Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty, Tổ chức, cá nhân là người liên quan của các đối tượng này; Tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan; các Phòng – Ban, bộ phận trong Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
2. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 cổ phần của Công ty.
3. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.
4. Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
5. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
8. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017 cụ thể như sau:
- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

10. Chữ viết tắt:

- UBCKNN: được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- SGDCK: được hiểu là Sở giao dịch Chứng khoán.
- Công ty: là Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ.
- HĐQT: được hiểu là Hội đồng Quản trị.
- BKS: được hiểu là Ban Kiểm soát.

11. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty còn có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều lệ công ty

Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị tham chiếu xây dựng theo hướng dẫn mẫu do Bộ Tài chính hướng dẫn, được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tuân theo các quy định được ghi từ Điều 17 đến Điều 25 Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Công ty phải Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ (trước 20 ngày);

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: được ghi rõ trong thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

d) Cách thức bỏ phiếu đối với từng vấn đề nghị sự sẽ được Hội đồng Quản trị thông qua tại Đại hội đồng cổ đông tùy theo yêu cầu của từng vấn đề;

đ) Cách thức kiểm phiếu được Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình với Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay tại Đại hội;

Riêng đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu bằng văn bản hợp lệ gửi tới trước Công ty trong thời gian 03 ngày làm việc, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu: kết quả kiểm phiếu sẽ được đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay tại Đại hội;

f) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

g) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều được ghi thành biên bản do Ban Thư ký Đại hội ghi.

h) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

i) Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều lệ Công ty;

2/ HĐQT có trách nhiệm sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3/ Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Việc uỷ quyền chỉ được coi là hợp lệ khi tuân thủ các điều kiện đã được ghi trong Điều lệ Công ty và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

4/ Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

5/ Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất. Cổ đông có thể nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và đăng ký tham dự qua các phương tiện liên lạc của Công ty, tham khảo chương trình nghị sự và tài liệu đi kèm từ trang web của công ty.

6/ Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật hiện hành. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản.

7/ Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (*nếu có*);

4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp (*nếu có*);

5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (*nếu có*);
6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
8. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (*Trường hợp đã xác định được trước ứng viên*) được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Điều lệ và công ty.

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của công ty (*nội dung này được áp dụng theo khoản 2, Điều 37, Nghị định 71/2017/NĐ-CP*).

3. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1/ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có không quá năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội

đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2/ Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm.

3/ Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Điều 7 Quy chế này;

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo Điều 9 Quy chế này.

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 17. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của Công ty

1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 18. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 19. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2, Điều 11 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 20. Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài

liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty đại chúng có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Chương V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật Chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

- Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 27. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính

xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 30. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp Luật Chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp Luật Chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 31. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 33. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương VII

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Giám sát về quản trị công ty

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của công ty theo quy định của Quy chế này.

2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Quy chế này.

3. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 35. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 36. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 08 chương, 37 Điều do Hội đồng quản trị công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 09 năm 2019 thông qua.

Cổ đông của Công ty; Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty, Tổ chức, cá nhân là người liên quan của các đối tượng này; Tổ chức, cá

nhân có quyền lợi liên quan; các Phòng – Ban, bộ phận trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ số lượng thành viên HĐQT mới có giá trị pháp lý.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ thực hiện theo yêu cầu của Pháp luật và Công ty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Mai Công Toàn

